

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trí Dũng và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 14/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thuý Ch, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: Thôn Tr, xã X, huyện L, tỉnh H; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện L, tỉnh H.

Phiên toà: Có mặt chị Ch; anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Lò Thuý Ch, biên bản lấy lời khai của anh Trương Văn Đ, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thuý Ch và anh Trương Văn Đ tìm hiểu và lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 10 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh Đ tại thôn Tr, xã X, huyện L, tỉnh H.

Theo chị Ch trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi lô đề cờ bạc,

không chịu khó đi làm dẫn đến nợ nần rất nhiều, chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi tiền, kinh tế gia đình rơi vào tình trạng khó khăn. Chị Ch đi làm kiếm tiền để nuôi cả nhà vừa phải trả nợ cho anh Đ, chị Ch có khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe và vẫn giấu chị Ch chơi bời và tiếp tục nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến khoảng đầu tháng 6 năm 2023 chị Ch và mẹ chồng xảy ra to tiếng do mẹ chồng cho rằng chị không khuyên can được anh Đ chơi bời dẫn đến nợ nần, mẹ chồng đã chửi bới, xúc phạm chị Ch. Do không thể chịu đựng được nên chị Ch đã về nhà bố mẹ đẻ ở và làm ăn buôn bán để nuôi các con. Nay chị Ch xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Ý kiến của anh Trương Văn Đ: Từ khi cưới nhau đến nay vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh Đ đi làm công nhân cho Công ty vận tải Văn Giang ở tỉnh Hưng Yên, khoảng một tháng lại về thăm mẹ con chị Ch khoảng 2 đến 3 ngày rồi lại đi làm ở Hưng Yên. Hàng tháng anh Đ vẫn gửi tiền cho mẹ con chị Ch khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 22 tháng 6 năm 2023 chị Ch bỏ đi đâu anh không biết, sau đó chị Ch về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H sinh sống, còn hiện tại chị Ch ở đâu và làm gì thì anh không nắm được. Trước khi chị Ch bỏ nhà đi anh Đ nghe con gái lớn nói chị Ch thường xuyên nói chuyện với người đàn ông lạ vào buổi tối, anh Đ nghi ngờ chị Ch có quan hệ tình cảm với người khác nên có hỏi nhưng chị Ch không thừa nhận việc ngoại tình. Tết năm 2024 âm lịch anh Đ vẫn đưa các con lên nhà ông bà ngoại ăn tết bình thường, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng chị Ch nói ở lại nhà bố mẹ đẻ làm ăn và không trở về ở cùng anh Đ. Nay chị Ch có đơn khởi kiện đề nghị ly hôn, anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị Ch.

- Về con chung: Chị Ch và anh Đ đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thị Huyền M, sinh ngày 04/10/2015 và cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 10/3/2019. Hiện nay cháu M và cháu Đ đang ở với anh Đ tại thôn Tr, xã X, huyện L, tỉnh H.

Nếu vợ chồng ly hôn, chị Ch và anh Đ đều đề nghị giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị Huyền M và cháu Trương Hải Đ, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã Xuân Khê cung cấp: Chị Lò Thuý Ch và anh Trương Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân ngày 10/12/2014. Sau khi cưới thì chị Ch và anh Đ ở chung nhà bố mẹ đẻ anh Đ là ông Đ và bà Th. Theo dư luận địa phương thì mâu thuẫn của vợ chồng chị Ch và anh Đ là do anh Đ ham chơi, không chịu lao động dẫn đến nợ nần tiền bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, bố mẹ anh Đ phải trả nợ thay cho anh Đ. Nguyên nhân khác là do anh Đ nghi ngờ chị Ch có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân cho đến nay. Chị Ch và anh Đ có 02 con chung như các đương sự

trình bày. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh Đ, ông Tr Văn Đ và bà Trần Thị Th. Hiện nay cháu M và cháu Đ được anh Đ và ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo cuộc sống ăn học đầy đủ. Đề nghị Toà án giao cả 02 cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của ông Trương Văn Đ (bố đẻ của anh Đ): Sau khi cưới, chị Ch và anh Đ ăn ở cùng với gia đình ông. Giữa vợ chồng anh Đ và chị Ch cũng như với gia đình trong cuộc sống hàng ngày đều hoà thuận, hạnh phúc. Sau khi lấy vợ một thời gian, anh Đ mải chơi, không chịu lao động dẫn đến nợ nần tiền bạc nhưng vợ chồng cũng không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2023, chị Ch có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi anh Đ phát hiện thì vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Sau đó chị Ch đưa con về tỉnh Hà Giang sinh sống. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Toà án giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu, gia đình ông Đ sẽ cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu M và cháu Đ được ăn học, sinh hoạt đầy đủ.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Lò Thuý Ch có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Văn Đ. Về con chung: Đề nghị giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị Huyền M và cháu Trương Hải Đ, chị Ch cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ vắng mặt tại buổi hoà giải và phiên toà sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị Lò Thuý Ch và anh Trương Văn Đ. Về con chung: Giao cho anh Trương Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị Huyền M và cháu Trương Hải Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Ch cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên toà; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Lò Thuý Ch cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh*

chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trương Văn Đ vắng mặt phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thuý Ch và anh Trương Văn Đ là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Ch thì cho rằng anh Đ ham chơi dẫn đến nợ tiền bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; anh Đ thì trình bày cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, chỉ đến khi anh phát hiện chị Ch có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác thì vợ chồng mới xảy ra cãi chửi nhau. Tuy các đương sự trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau, nhưng thực tế vợ chồng đã sống ly thân được hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến hạnh phúc chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đề nghị vợ chồng đoàn tụ, Toà án tiến hành hoà giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Ch là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh Đ là chính đáng, phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của các cháu hiện nay. Cháu M đã trên 07 tuổi, có ý kiến muốn tiếp tục được sống cùng với anh Đ, cháu M và cháu Đ đã sinh sống tại gia đình nhà anh Đ từ nhỏ, hiện cuộc sống của các cháu được đảm bảo tốt. Mặt khác, kinh tế của gia đình chị Ch rất khó khăn, bản thân chị Ch không có công việc và thu nhập ổn định, không đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung; quá trình giải quyết vụ án các đương sự thoả thuận giao cho anh Đ nuôi dưỡng cả 02 con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy nên giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn Đ không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên toà chị Ch đề nghị cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng cho cả cháu M và cháu Đ, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con dưới 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con của chị Ch là tự nguyện và phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lò Thuý Ch và anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Văn Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị Huyền M, sinh ngày 04/10/2015 và cháu Trương Hải Đ, sinh ngày 10/3/2019 cho đến khi các cháu M và Đ đủ 18 tuổi.

Chị Lò Thuý Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Trương Văn Đ là 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu M và Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lò Thuý Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng án phí là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0000947 ngày 24/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Chị Ch còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Xuân Khê;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy